

Bản án số:01/2018/KDTM-ST

Ngày: 15 - 8 - 2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Xuân Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Nguyễn Quang Học

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan - KSV

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số H, phường L, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn V – Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

Văn bản ủy quyền số 3693 ngày 18/10/2017

2. Bị đơn: - Chị Nguyễn Thị Thùy L - Sinh năm:1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lương Đình H – Sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là *Ngân hàng thương mại cổ phần V* trình bày:

Anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L ký kết 02 hợp đồng tín dụng với ngân hàng V – Chi nhánh Thanh Hóa để vay vốn, cụ thể như sau:

Ngày 17/12/2013 ngân hàng V – Chi nhánh Thanh Hóa đã ký với vợ chồng anh H, chị L (là hộ kinh doanh cá thể được phòng tài chính kế hoạch – UBND huyện G cấp giấy đăng ký kinh doanh số 26a80004718, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12/11/2013) hợp đồng tín dụng số 14122013-022-CN với nội dung: ngân hàng V – Chi nhánh Thanh Hóa cho vợ chồng anh H, chị L vay số tiền 280.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động trả góp, sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết. Thời hạn vay 48 tháng, bên vay trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ 01/ 1 lần vào ngày 20, tổng cộng 48 kỳ, mỗi kỳ phải trả nợ gốc là 5.833.000 đồng, riêng kỳ cuối là 5.849.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 20/01/2014. Bên vay trả nợ lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01/ 1 lần vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2014. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13,3%/năm. Mức lãi suất cố định trong vòng 3 tháng từ ngày giải ngân. Hết 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, theo mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau, bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 06% năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngày 17/01/2014 Ngân hàng V – Chi nhánh Thanh Hóa đã ký với vợ chồng anh H, chị L hợp đồng tín dụng số 15012014-028-CN với nội dung: ngân hàng V – Chi nhánh Thanh Hóa cho vợ chồng anh H, chị L vay số tiền 120.000.000 đồng để mua oto veam theo chương trình thúc đẩy hộ kinh doanh. Thời hạn vay 36 tháng, bên vay trả nợ gốc cho ngân hàng theo định kỳ 01/ 1 lần vào ngày 10, tổng cộng 36 kỳ, mỗi kỳ phải trả nợ gốc là 3.333.000 đồng, riêng kỳ cuối là 3.345.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 10/02/2014. Bên vay trả nợ lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01/ 1 lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2014. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 13,6%/năm. Mức lãi suất cố định trong vòng 3 tháng từ ngày giải ngân. Hết 3 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, theo mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau, bậc thang thấp nhất của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 06% năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

02 hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 20131216-NT ngày 16/12/2013 gồm có: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 03, diện tích 909,5 m² , địa chỉ X, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP852414 do UBND huyện G, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2013 mang tên Nguyễn Thị Thùy L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị L đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 10/6/2014. Tính đến ngày 15/8/2017 anh H và chị L đã thanh

toán cho ngân hàng: Nợ gốc 54.784.806 đồng, lãi 36.811.045 đồng. Tổng 91.595.851 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh H và chị L phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2018 như sau:

Hợp đồng tín dụng số 14122013-022-CN ngày 17/12/2013

- Nợ gốc = 239.678.545 đồng
- Nợ lãi trong hạn = 6.020.040 đồng
- Nợ lãi quá hạn = 179.811.690 đồng

Tổng cộng = 425.510.275 đồng

Hợp đồng tín dụng số 15012014-028-CN ngày 17/01/2014

- Nợ gốc = 105.536.649 đồng
- Nợ lãi trong hạn = 1.142.498 đồng
- Nợ lãi quá hạn = 83.146.315 đồng

Tổng cộng = 189.825.462 đồng

Tổng nợ phải trả theo 02 hợp đồng là 615.335.737 đồng. (Sáu trăm mười lăm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng)

Ngài ra Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 68.216.055 đồng.

Buộc anh H và chị L phải trả số nợ trên và phải trả lãi phát sinh từ ngày 16/8/2018 theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Đề nghị xử lý tài sản thế chấp nếu như anh H và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn vắng mặt tại địa phương nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn rút yêu cầu về lãi phạt chậm trả trong đơn khởi kiện, số tiền 68.216.055 đồng. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- KSV phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội thẩm nhân dân và thư ký đúng theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của BL TTDS. Bị đơn không chấp hành quy định của BL TTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/8/2018 là 615.335.737 đồng và buộc bị đơn trả lãi theo hợp đồng tín dụng từ ngày 16/8/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền lãi phạt chậm trả là 68.216.055 đồng.

Về tài sản thế chấp: Nếu anh H và chị L không trả nợ, thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Buộc anh H và chị L phải chịu án phí KDTM sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu tòa án buộc anh H và chị L trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hai bên đều có đăng ký kinh doanh, mục đích vay để kinh doanh thu lợi nhuận. Đây là tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 điều 30 và điểm b khoản 1 điều 35 bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện G.

Anh H và chị L là bị đơn đã được tòa án niêm yết hợp lệ giấy triệu tập mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét tính hợp pháp của hợp đồng thì thấy các hợp đồng trên được thực hiện bởi người đại diện hợp pháp, nội dung của hợp đồng tín dụng được các bên ký kết theo quy định của luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng thể chấp được chứng thực và đăng ký việc thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại điều 342, 343, 344 bộ luật dân sự 2005; Điều 3, 7 nghị định số 83/2010/cp ngày 23/7/2010. Do đó hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện theo hợp đồng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị L đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng được thể hiện qua khế ước nhận nợ ngày 17/12/2013 và ngày 17/01/2014. Anh H và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 10/6/2014. Như vậy ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Việc anh H và chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm hợp đồng về thời hạn trả nợ. Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở. Cần buộc anh H và chị L trả cho ngân Hàng.

Hợp đồng tín dụng số 14122013-022-CN ngày 17/12/2013

- Nợ gốc = 239.678.545 đồng
- Nợ lãi trong hạn = 6.020.040 đồng
- Nợ lãi quá hạn = 179.811.690 đồng

Tổng cộng = 425.510.275 đồng

Hợp đồng tín dụng số 15012014-028-CN ngày 17/01/2014

- Nợ gốc = 105.536.649 đồng
- Nợ lãi trong hạn = 1.142.498 đồng
- Nợ lãi quá hạn = 83.146.315 đồng

Tổng cộng = 189.825.462 đồng

Tổng nợ phải trả theo 02 hợp đồng là 615.335.737 đồng. (Sáu trăm mười lăm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng)

[4] Đối với yêu cầu về lãi phạt là 68.216.055 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần V đã rút yêu cầu này tại phiên tòa vì vậy HĐXX đình chỉ yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy ngân hàng nhận thế chấp tài sản đảm bảo của anh H, chị L theo hợp đồng thế chấp số 20131216-NT ngày

16/12/2013 gồm có: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 03, diện tích 909,5 m², địa chỉ Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP852414 do UBND huyện G, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2013 mang tên Nguyễn Thị Thùy L. Hợp đồng thế chấp có chứng thực của cơ quan công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo, vì vậy nếu anh H và chị L không trả nợ thì chấp nhận ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[6] Về án phí: Anh H và chị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 144 Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 91, Điều 95 luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 319, 342, 343, 344, 355, 471, 474 BLDS 2005; Điều 306 Luật thương mại; Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điểm c Tiểu mục 1.4 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí toà án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc yêu cầu anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 68.216.055 đồng.

- Buộc anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L trả cho ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 615.335.737 đồng. (Sáu trăm mười lăm triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng), (trong đó nợ gốc là 345.215.194 đồng, Lãi trong hạn là 7.162.538 đồng, Lãi quá hạn là 262.958.005 đồng, Lãi tính đến ngày 15/8/2018)

Anh H và chị L còn phải trả lãi đối với số nợ gốc chưa trả theo Hợp đồng tín dụng số 14122013-022-CN ngày 17/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số 15012014-028-CN ngày 17/01/2014 cho Ngân hàng thương mại cổ phần V kể từ ngày 16/8/2018 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh H và chị L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền trên thì ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện G kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 20131216-NT ngày 16/12/2013 gồm có: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số

220, tờ bản đồ số 03, diện tích 909,5 m², địa chỉ Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP852414 do UBND huyện G, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/10/2013 mang tên Nguyễn Thị Thùy L.

- Về án phí: Anh Lương Đình H và chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 28.613.429 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 14.465.000 đồng tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005586 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.)

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Xuân Dũng